

TỔ CHỨC LẮNG NGHE Ý KIẾN CÁC NHÀ KINH TẾ KHI PHÁT HIỆN RA NHỮNG NGUY CƠ TIỀM ẨN

THANH NGỌC



Đảng ta rất sáng suốt khi nhận định rằng chúng ta đang đứng trước những thuận lợi lớn lao khi bắt kịp thời cơ, nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với những nguy cơ tiềm ẩn, như nguy cơ tụt hậu. Gọi là *nguy cơ tiềm ẩn* vì nó rất khó phát hiện ra, và khi nguy cơ đó xuất hiện thì rất khó đối phó. Vì vậy ta cần điểm lại một số nguy cơ tiềm ẩn đã được phát hiện, nhưng do cách xử lý chậm và không triệt để nên hậu quả rất lớn, và những nguy cơ được xử lý kịp thời và khéo léo nên kết quả rất tốt đẹp.

Trước hết là nguy cơ tiềm ẩn của lãi suất cao. Lãi suất cực kỳ cao năm 1989, tới 12%/tháng mà tính theo lối lãi nhập vốn hàng tháng đã lên tới 289%/năm, đã được phát hiện vào giữa năm 1989 là sẽ gây đổ vỡ các HTXTD nhưng đã không được chú ý lắng nghe nên chỉ tới năm sau, điều dự đoán này đã xảy ra.

Lãi suất cao lại được phát hiện vào năm 1994, khi Ngân hàng nhà nước bỏ việc hạ lãi suất, đã công bố

vào đầu năm tại hội nghị giám đốc ngân hàng, vì chỉ số giá cả cao vượt 10%. Trong cuộc gặp gỡ đầu xuân năm 1995 với Thủ tướng Võ Văn Kiệt, việc hạ lãi suất đã được nhiều nhà kinh doanh đề nghị và Thủ tướng đã thấy rất rõ và nêu lên câu hỏi phải có kế sách gì để hạ lãi suất. Mãi tới năm 1996, việc hạ lãi suất mới được Quốc hội thông qua một cách khó khăn với 51,1% phiếu thuận. Số phiếu không thuận là do hiểu lầm rằng bỏ thuế doanh thu tín dụng cho ngân hàng hưởng, trong khi chủ tọa nói rất rõ là bỏ thuế doanh thu để làm giảm gánh nặng lãi suất cao cho các doanh nghiệp.

Do không hạ lãi suất sớm, ngay khi phát hiện ra nguy cơ tiềm ẩn, nên năm 1996 đã phải 4 lần hạ lãi suất, làm hệ thống ngân hàng thương mại bị suy yếu do bị lỗ. Cách hạ lãi suất lại không quan tâm đến thực trạng thị trường cho vay nặng lãi vẫn còn tồn tại ở nông thôn và cả ở các chợ đô thị, nên tình trạng xé rào lãi suất trần vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Nó làm cho hệ thống ngân hàng thương mại từ chỗ thừa vốn chuyển đột ngột sang thiếu vốn từ tháng 11.1996. Hậu quả khá phức tạp và khó lường hết, rất mong vấn đề này sẽ được Quốc hội và các cơ quan chức năng lắng nghe. Một số nhà kinh tế phát hiện ra nguy cơ tiềm ẩn nhưng do hiểu biết và lượng thông tin có hạn nên không thể nhận rõ hết những uẩn khúc của nguy cơ đó. Vì vậy cách tổ chức lắng nghe tốt nhất là tổ chức hội thảo có trao đổi thật sự.

Thứ hai là nguy cơ tiềm ẩn của tình trạng lên giá tiền tệ. Vấn đề này đã được lắng nghe nên việc điều chỉnh nhích dần giá USD lên đã đạt kết quả tốt. Chúng ta đã tìm được mức tăng giá USD, cho nhích dần lên mà không phải phát hành tiền để mua USD vào như các nước thường phải làm khi khắc phục việc lên giá nội tệ. Các nước rất quan tâm lo lắng sẽ có xáo động lớn về giá USD, nhưng chúng ta đã tránh được một cơn sốt giá USD mạnh, kiểu cuối năm 1991. Vì vậy họ rất tin tưởng là chúng ta sẽ điều khiển được tỷ giá thị trường trong phạm vi biến động cho phép.

Thứ ba là nguy cơ tiềm ẩn của việc mở L/C trả chậm, được phát hiện trong hội nghị giám đốc ngân hàng cuối năm 1995 và trên báo *Nhân Dân* từ tháng 1.1996. Từ kết quả tốt đẹp của việc xử lý tình trạng lên giá nội tệ, tôi muốn nói kỹ tới nguy cơ này. Đây là một nguy cơ được chính phủ lắng nghe và nhận biết ngay, nên đã dồn dập yêu cầu ngân hàng nhà nước báo cáo ngay tổng số L/C trả chậm đã được mở trong cả nước. Nhưng vì các L/C trả chậm được hạch toán ngoại bảng nên phải vài tháng sau mới có được tổng số này, sau khi diện xuống các ngân hàng thương mại yêu cầu báo cáo gấp.

Tác giả bài báo phát hiện ra nguy cơ tiềm ẩn này đã kể với tôi là bị phê phán từ phía, bị hỏi dồn dập lấy ở đâu ra con số 400 triệu USD mở L/C trả chậm trong cả nước? Nhưng khi tập hợp được tổng số thì nó lớn gấp 3 con số dự tính này. Điều khó hiểu là tổng số này vẫn tiếp tục tăng và tất cả rủi ro được nói trong bài báo đã bộc lộ đầy đủ trong vụ giám đốc công ty Epcor nhập phân bón trả chậm về bán phá giá để lấy vốn quay vòng vào kinh doanh nhà đất.

Vòng quay ma quái của vốn nhập hàng trả chậm đã lung lay đoạn thị trường vốn và nền kinh tế nước ta đến mức nào có lẽ cũng đã rõ. Nhưng điều rất đau là một số người tới nay vẫn yên chí rằng những quy chế về bảo lãnh mở L/C trả chậm của ngân hàng TW trước đó đã đủ để ngăn chặn những rủi ro của việc bảo lãnh mở L/C nhập hàng trả chậm, nếu như các ngân hàng và công ty chấp hành đúng. Vì vậy điều không thể không nói là phải phân tích xem những sơ hở của quy chế này:

1. Ở các nước số tiền bảo lãnh mở L/C được các ngân hàng hạch toán vào 2 tài khoản:

- Chấp nhận và bảo lãnh (Acceptances and Guarantees) để ghi các khoản mở L/C mà ngân hàng trong nước đã chấp nhận các hối phiếu của ngân hàng nước ngoài phát hành theo giá trị L/C đó.

- Chấp nhận của khách hàng (Customers' acceptances) để ghi các hối phiếu do ngân hàng trong nước



phát hành theo giá trị L/C đó và khách hàng đã chấp nhận hối phiếu này như nhận nợ.

Vụ trưởng vụ kế toán ngân hàng nhà nước đã thấy vấn đề này nên đã cho phép một ngân hàng thương mại được thí điểm hạch toán nội bảng theo kinh nghiệm các nước. Nhưng một đoàn thanh tra đã cấm thí điểm tiếp dù đã làm được gần 2 năm.

Chúng ta thử hình dung cả tỷ USD tiền và hàng trên các L/C nhập hàng trả chậm được hạch toán ngoại bảng và nhiều khi thực tế là không hạch toán vào đầu cả, vì mấy ai báo cáo, mấy ai kiểm soát các số liệu ghi ngoại bảng đầu - Cân đối nội bảng cả của ngân hàng và các doanh nghiệp đều không phản ánh hàng tỷ USD tiền và hàng mở L/C trả chậm - khi đó chúng ta mới thấy hết nguy cơ của cách hạch toán ngoại bảng này. Vì vậy công ty mở L/C bán phá giá hàng nhập trả chậm lấy vốn quay vòng tít mù có mấy ngân hàng kiểm soát nổi.

2. Quy chế mở L/C trả chậm rất sơ sài, không ghi việc kiểm soát trước, trong và sau khi mở L/C như trong thể lệ cho vay. Việc kiểm tra tài sản thế chấp cũng không chặt chẽ như trong thể lệ cho vay vì không buộc phải công chứng, không buộc phải kiểm tra thường xuyên hàng tháng như đối với cán bộ tín dụng. Đã vậy khi các ngân hàng đề nghị Ngân hàng nhà nước ban hành một quy chế mở L/C cụ thể thì được trả lời là các tổng giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần được phép định ra quy chế mở L/C riêng cho ngân hàng mình. Trong một cuộc hội thảo, tất cả các ngân hàng đều không tán thành ý kiến này với lý do tổng giám đốc ngân hàng cổ phần không đủ khả năng

pháp lý để ban hành quy chế như vậy. Ra tòa chắc chắn quy chế đó sẽ không được công nhận, và lại như vậy có 40 ngân hàng sẽ có 40 quy chế khác nhau. Trước những lý do như vậy, cán bộ Ngân hàng nhà nước vẫn khẳng ý kiến của mình là đúng.

3. Các nước họ coi hối phiếu là chứng từ có giá có thể chuyển nhượng được, có thể đem thế chấp vì họ có luật về hối phiếu rất chặt chẽ, đến trên 300 điều và có thừa phát lại đi tận nhà người mắc nợ tịch thu tài sản đem phát mại để thu hồi nợ ngay sau 7 ngày. Nhưng ở nước ta chưa có luật hối phiếu, chưa có đội thi hành án

manh như các thừa phát lại, liệu có thể dùng hối phiếu để thế chấp khi mở L/C không? Vậy mà hối phiếu được dùng với mức độ nào, cũng chưa có văn bản nào quy định.

Vì thế không thể không nêu lại nguy cơ này khi nó không còn là tiềm ẩn nữa và đang làm cho thị trường vốn vay bị lũng đoạn đến hồi nguy hiểm. Mong rằng Quốc hội nên lắng nghe để phát huy quyền lập pháp, chất vấn các ngành chức năng và đôn đốc sửa ngay các chế độ có liên quan, không để các nguy cơ tiềm ẩn bùng nổ ra mới chữa chạy ■

THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP Ở KHU CÔNG NGHIỆP NHƯ THẾ NÀO?

LÊ VĂN CHẤN

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 36/CP ngày 24.4.1997 của chính phủ, nghĩa vụ nộp thuế của các doanh nghiệp khu công nghiệp (DN KCN) như sau:

Doanh nghiệp VN thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào KCN và công ty phát triển hạ tầng KCN là DN VN thuộc các thành phần kinh tế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với mức ưu đãi theo quy định hiện hành.

Doanh nghiệp KCN có vốn đầu tư nước ngoài, bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh và công ty phát triển hạ tầng KCN là DN liên doanh được thành lập theo luật đầu tư nước ngoài tại VN thực hiện nộp thuế như sau:

a. Nộp thuế lợi tức (thuế suất thuế lợi tức này được áp dụng trong suốt thời hạn thực hiện dự án):

- Đối với DN chế xuất: 10% lợi nhuận thu được và được miễn thuế lợi tức 4 năm kể từ khi bắt đầu kinh doanh có lợi nhuận đối với DN sản xuất; 15% lợi nhuận thu được và được miễn thuế lợi tức 2 năm kể từ khi bắt đầu kinh doanh có lợi nhuận đối với DN dịch vụ.

- Đối với DN KCN: 15% lợi nhuận thu được đối với DN có hoạt động xuất khẩu dưới 50% sản phẩm của mình và được miễn thuế lợi tức 2 năm kể từ khi bắt đầu kinh doanh có lợi nhuận; trường hợp xuất khẩu từ 50% đến 80% sản phẩm của mình thì được giảm thêm 50% thuế lợi tức trong 2 năm tiếp theo: 10% lợi nhuận thu được đối với DN có hoạt động xuất khẩu trên 80% sản phẩm của mình và được miễn thuế lợi tức 2 năm và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo kể từ khi bắt đầu kinh doanh có lợi nhuận; 20% lợi nhuận thu được đối với DN dịch vụ và được miễn thuế lợi tức 1 năm kể từ khi bắt đầu kinh doanh có lợi nhuận.

- Đối với công ty phát triển hạ tầng KCN: 10% lợi nhuận thu được và được miễn thuế lợi tức 4 năm kể từ khi bắt đầu kinh doanh có lợi nhuận và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

Việc điều chỉnh lại mức thuế suất cũng như miễn giảm thuế lợi tức đã được quy định trong giấy phép đầu tư được thực hiện theo qui định chi tiết thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại VN. Việc dùng lợi nhuận được chia để tái đầu tư và việc hoàn thuế lợi tức đã nộp của số lợi nhuận tái đầu tư được thực hiện theo quy định tại điều 59 Nghị định 12/CP ngày 18.2.1997 của chính phủ.

b. Khi chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, DN KCN nộp một khoản thuế là 5% số lợi nhuận chuyển ra nước ngoài.

c. Nộp các loại thuế khác và lệ phí theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm ■